

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 01 - 2026
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Tùng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - Ông Mạc Ngọc Day.
 - Ông Vũ Ngọc Lâm.
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lương Diệu Linh - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28/01/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 180/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1987;
- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1983.

Cùng nơi cư trú: Thôn B, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

(Bà Y và ông C đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà với ông Nguyễn Thành C lấy nhau và đã đăng ký kết hôn ngày 29/01/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang), vợ chồng bà kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan

điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Bà xác định không còn tình cảm với ông C, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà với ông C đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế vợ chồng bà đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành C theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Bà với ông Nguyễn Thành C có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 09/8/2007 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/5/2011. Hiện nay con chung Nguyễn Ngọc Trà M đã trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Ly hôn bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Thị Hồng N đến khi trưởng thành và bà không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, đất đai chung: Bà và ông Nguyễn Thành C tự thỏa thuận nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Bà và ông Nguyễn Thành C không có nên bà không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thành C trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Y kết hôn với nhau ngày 29/01/2007 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang), được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc đến năm 2023 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Nay bà Y đề nghị ly hôn thì quan điểm của ông là không nhất trí ly hôn, ông vẫn muốn có thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm quay về đoàn tụ nhưng nếu bà Y vẫn nhất quyết ly hôn thì ông cũng chấp nhận, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Ông với bà Nguyễn Thị Y có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 09/8/2007 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/5/2011. Hiện nay con chung Nguyễn Ngọc Trà M đã trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng lao động được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu phải ly hôn ông có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Hồng N đến khi trưởng thành, ông không yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng ông. Nếu cháu N có nguyện vọng ở với bà Y thì ông cũng tôn trọng ý kiến của cháu.

- Về tài sản, đất đai chung: Ông và bà Nguyễn Thị Y tự thỏa thuận nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Ông và bà Nguyễn Thị Y không có nên ông không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Toà án tiến hành lấy ý kiến của cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 25/01/2011 (là con chung của bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Văn C): Cháu N trình bày khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với mẹ cháu là Nguyễn Thị Y. Cháu tự nguyện ở với mẹ của cháu và không bị ai ép buộc gì.

Tòa án xác minh tại địa phương thôn Bắc Yên, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang được cung cấp thông tin:

Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thành C đều là công dân có đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên cư trú tại thôn B, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Năm 2007, bà Nguyễn Thị Y kết hôn với ông Nguyễn Thành C có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn vợ chồng bà Y và ông C sinh sống tại thôn Bắc Yên, xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Ban đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo thôn nắm được mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y và ông C đã trầm trọng; Về con chung bà Y và ông C có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 09/8/2007 và cháu Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/5/2011. Hiện nay cháu M đã trên 18 tuổi, cả hai cháu đang sống cùng bà Y và ông C tại thôn B, xã H, tỉnh Tuyên Quang.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y cung cấp cho Tòa án: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 Xác nhận thông tin về cư trú (bản chính); 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị Y (bản sao), 02 Giấy khai sinh của con chung (bản sao).

- Bị đơn ông Nguyễn Thành C cung cấp cho Tòa án: 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thành C (bản photo).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang đã tiến hành hòa giải cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành quy định pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y và bị đơn ông Nguyễn Thành C đều chấp hành tốt các quy định pháp luật trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án.

- Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/5/2011 cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ông Nguyễn Thành C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nguyễn Thị Y và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Ông Nguyễn Thành C không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Y có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Thành C nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin bà Y cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn ông Nguyễn Thành C là công dân thường xuyên cư trú tại thôn B, xã H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thành C được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2007 tại UBND thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Y và ông C là hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Y và ông C hạnh phúc bình thường, đến khoảng năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau. Bà Y xác định không còn tình cảm với ông C, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y với ông C đã quá căng

thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Ông C mong muốn vợ chồng hàn gắn, cần thêm thời gian để hai bên suy nghĩ, cho nhau thêm cơ hội vì vậy ông không nhất trí ly hôn. Tuy nhiên qua xác minh thì vợ chồng ông C và bà Y đã mâu thuẫn căng thẳng trầm trọng, thường xuyên cãi chửi nhau do bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau, hai bên gia đình đã tiến hành hoà giải nhưng không được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Y và ông C đã quá căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y và xử cho bà Y được ly hôn với ông Nguyễn Thành C theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thành C có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Trà M, sinh ngày 09/8/2007 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/5/2011.

- Đối với con chung Nguyễn Ngọc Trà M: Bà Y và ông C đều xác định hiện nay cháu M đã trên 18 tuổi, sức khỏe phát triển bình thường và có khả năng lao động được, bà Y và ông C không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với con chung Nguyễn Thị Hồng N: Ly hôn bà Nguyễn Thị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Hồng N đến khi trưởng thành và bà không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con chung; Ông Nguyễn Thành C cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Thị Hồng N đến khi trưởng thành và ông không yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu N, qua xem xét ý kiến của cháu N và căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của cháu N vẫn đảm bảo cả về tinh thần, vật chất và được học tập đầy đủ khi ở với bà Y. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên xử cho bà Nguyễn Thị Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Hồng N. Ông Nguyễn Thành C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Nguyễn Thị Y và ông C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thành C cùng xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thành C cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định; Ông Nguyễn Thành C không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 227, 235, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn Thành C.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 06/2007 do Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang) cấp ngày 29/01/2007 cho bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thành C không còn giá trị pháp lý).

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 21/5/2011 cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Ông Nguyễn Thành C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà Nguyễn Thị Y và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0000897, ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Bà Nguyễn Thị Y đã nộp đủ án phí.

+ Bị đơn ông Nguyễn Thành C không phải chịu tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn Thành C có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 2 – Tuyên Quang;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 2-Tuyên Quang;
- UBND xã Hàm Yên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng

